

TÔNG CẢNH LỤC

QUYÊN 77

Hỏi: Phàm, một niệm tâm vô minh, khuấy động biển chân như thành mười hai duyên khởi, làm căn do sinh tử. Nếu rõ đó là sóng biển Phật trí tan, nếu mê đó là dòng xoáy của sông sinh tử. Vậy thế nào là thành Phật trí, thế nào thành sinh tử?

Đáp: Phật trí của Thiên chân vốn có, sinh tử của vọng duyên thế không, tuy có hai tên mà chỉ là một nghĩa, chỉ nghĩa là chẳng rõ Đệ nhất nghĩa đế, gọi là vô minh, nhân chỗ mù tối của chẳng rõ mà thành các khổ của hoặc nghiệp. Rõ thật tánh của vô minh, thành diệu tâm của Niết-bàn. Nếu mê là hoặc nghiệp thì thành ba đạo: Một, vô minh ái thủ là phiền não đạo; Hai, hành và hữu là nghiệp đạo; Ba, thức danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh, lão, tử là khổ đạo. Nếu ngộ là ba nhân Phật tánh: Một, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sinh, lão, tử bảy chi này là Thánh nhân Phật tánh; Hai, vô minh, ái, thủ ba chi này là liễu nhân Phật tánh; Ba, hành, hữu hai chi này là duyên nhân Phật tánh. Các nghĩa như vậy sai biệt chẳng đồng, chỉ là một tâm mê thành nhiều thứ. Tuy thành nhiều thứ mà chẳng lìa một tâm. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Phật tử! Vị Đại Bồ-tát đây lại nghĩ rằng: “Chỗ có trong ba cõi chỉ là một tâm, Đức Như Lai ở đây phân biệt diễn nói có mười hai chi, đều y một tâm như vậy mà lập. Tại sao? Tùy sự tham dục cùng tâm cộng sinh, tâm là thức, sự là hành, ở hành mê hoặc gọi là vô minh, cùng vô minh và tâm cộng sinh, gọi là danh sắc. Danh sắc tăng trưởng là sáu xứ, sáu xứ ba phần hợp làm xúc, xúc cộng sinh là thọ. Thọ không chán đủ là ái, ái gồm chẳng xả bỏ là thủ, các chi hữu kia sinh là hữu, chỗ hữu khởi gọi là sinh, sinh thành thực là lão, lão hoại là tử”. Trong kinh Đại Tập nói: “Mười hai nhân duyên, một người một niệm đều là đầy đủ, chỉ tùy một cảnh, một niệm khởi ở, không gì chẳng đầy đủ. Vả lại như nhãn thấy sắc, chẳng rõ, gọi là vô minh, sinh ái ố (thương ghét) gọi là hành. Trong đó tâm ý gọi là thức. Sắc và thức hành gọi là danh sắc. Sáu thứ sinh tham gọi là Lục nhập. Sắc cùng nhãn tác đối gọi là xúc, lãnh nạp gọi là thọ, ở

sắc triền miên gọi là ái, tướng sắc tướng gọi là thủ, niệm sắc tâm khởi gọi là hữu, tâm sinh gọi là sinh, tâm diệt gọi là tử, cho đến ý tư pháp cũng lại như thế, một ngày một đêm phàm khởi bao nhiêu niệm, niệm niệm dật thành bỗng nhiên mười hai nhân duyên, toàn là Như Lai tạng tâm Đệ nhất nghĩa, mê ngộ thăng trầm trọn chẳng thể được”. Trong Phụ Hành Ký nói: “Mười hai nhân duyên là ở trong các kinh Hoa Nghiêm Đại Tập v.v... đều nói một niệm tâm đầy đủ. Phàm, các kinh Đại thừa nói một niệm là, ý đều như vậy. Nếu chẳng vậy thì làm sao khắp cùng thấu tất cả các pháp”. Trong luận Chỉ Quán cũng nói: “Duyên sinh chánh một niệm tâm.” Trong luận Thập Nhị Môn nói: “Hỏi: Là tại một tâm hay tại tâm khác?” Ý trong luận hỏi là tại một niệm tâm ở một người hay nhiều người ư? Như vậy một niệm hay khác niệm đều được. Nhiều người hay một người ở nay một niệm đều là đầy đủ, chỗ khởi tâm của nhiều người hay một người đều chẳng vượt ngoài trăm giới. Trăm giới là nhiều, một niệm là một, một nhiều tức là nhau chẳng phải một chẳng phải nhiều. Trong kinh Đại Phẩm nói rõ: Tất cả các pháp đều hướng đến nhân duyên, trăm giới nhân duyên chẳng vượt ngoài một niệm, cho nên gọi là hướng đến chẳng quá, nên được gọi là một niệm đầy đủ. Pháp sư Viễn nói: Vô minh Duyên hành là, có bốn vô minh: Một, mê lý vô minh, nghĩa thông thủy chung; Hai, phát nghiệp vô minh, tại nơi trước hành; Ba, phú nghiệp vô minh. Đây tại sau hành mà trước thức; Bốn, thọ sinh vô minh, cùng thức đồng thời, hoặc tại sau thức, trông chừng tử ở quá khứ, tâm thức ở tại sau thức, trông kết sinh thức cùng thức đồng thời. Lại các pháp trong ngoài đều đủ nhân duyên. Như trong kinh Đạo Cán nói: “Bấy giờ, Di-lặc nói với Xá-lợi-phất rằng: Đức Thế Tôn thường nói thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Phật, cho đến có nhân có duyên, đó gọi là pháp nhân duyên. Đây là Đức Phật lược nói tướng nhân duyên, vì nhân đây năng sinh là quả, Đức Như Lai xuất hiện nói đời là pháp nhân duyên sinh, Đức Như Lai chẳng xuất hiện nơi đời cũng là pháp nhân duyên sinh, tánh tướng thường trú không các phiến não cứu cánh như thật, chẳng phải chẳng như thật, là pháp chân thật. Là pháp điên đảo. Lại nữa, pháp mười hai nhân duyên từ hai thứ sinh, Thế nào là hai? Một là nhân, hai là quả. Pháp nhân duyên sinh lại có hai thứ: Có nhân duyên bên trong, có nhân duyên bên ngoài. Pháp nhân duyên bên ngoài từ đâu mà sinh? Như tợ chủng tử năng sinh ở mầm, từ mầm sinh là, từ lá sinh tiết (mắt), từ tiết sinh cành, từ cành sinh nụ, từ nụ sinh hoa, từ hoa sinh quả, không chủng tử nên không mầm, cho đến không có hoa quả có chủng tử nên mầm sinh, cho

đến có hoa nên quả sinh, mà chủng tử chẳng khởi nghĩ ta năng sinh mầm, mầm cũng chẳng khởi nghĩ ta từ chủng tử sinh, cho đến hoa cũng chẳng khởi nghĩ ta năng sinh thật. Thật cũng chẳng khởi nghĩ ta từ hoa sinh, mà thật chủng tử năng sinh mầm. Như vậy gọi là pháp nhân duyên bên ngoài. Thế nào gọi là pháp duyên sinh bên ngoài? Chỗ gọi là địa, thủy, hỏa, phong không thời. Địa chủng kiên trì, thủy chủng ẩm đượm, hỏa chủng thành thực, phong chủng phát khởi, không chủng chẳng làm chướng ngại, lại giả mượn nơi thời tiết khí hòa biến. Sáu duyên như vậy đầy đủ bên sinh. Nếu sáu duyên chẳng đầy đủ thì vật chẳng sinh. Địa, thủy, hỏa, phong không thời sáu duyên điều hòa chẳng tăng giảm thì vật được sinh. Địa cũng chẳng nói ta năng trì, thủy cũng chẳng nói ta năng nhuận, hỏa cũng chẳng nói ta năng thực, phong cũng chẳng nói ta năng phát khởi. Không cũng chẳng nói ta chẳng làm chướng ngại, thời cũng chẳng nói ta năng khiến sinh. Chủng cũng chẳng nói ta từ sáu duyên mà được sinh mầm, mầm cũng chẳng nói ta từ số duyên ấy sinh. Tuy chẳng khởi nghĩ từ số duyên ấy sinh, mà thật từ các duyên hòa hợp nên được sinh. Mầm cũng chẳng từ tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, cũng chẳng từ tự tha hợp sinh, cũng chẳng từ trời tự tại sinh, chủng chẳng từ thời mới sinh, cũng chẳng từ bản tánh sinh, cũng chẳng từ không nhân sinh, cho nên gọi là pháp sinh thứ lớp, pháp duyên sinh bên ngoài như vậy, vì năm sự nên phải biết chẳng đoạn cũng chẳng thường, cũng chẳng từ đây đến kia. Như mầm ít, quả thì lắm nhiều, tương tự tương tục chẳng sinh vật khác. Cố sao chẳng đoạn? Từ chủng mầm rễ nhanh lần lượt tương tục nên chẳng đoạn. Cố sao chẳng phải thường? Mầm nhánh hoa quả mỗi tự riêng biệt nên chẳng phải thường, cũng chẳng phải chủng diệt mà sau đó mầm sinh, cũng chẳng phải chủng diệt mà mầm bèn sinh. Vì pháp nhân duyên mầm khởi chủng rụng mất, lần lượt sinh nên chẳng phải thường, chủng mầm mỗi mỗi khác nhau nên chẳng đây đến kia, chủng ít quả nhiều nên phải biết chẳng phải một, gọi là chủng ít quả nhiều, như chủng chẳng sinh khác quả nên gọi là tương tự tương tục. Vì năm thứ duyên bên ngoài đây mà các pháp được sinh. Pháp nhân duyên bên trong có hai thứ sinh. Thế nào là nhân? Từ vô minh cho đến già chết, vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt nên lão tử. Nhân vô minh nên có hành, cho đến nhân có sinh nên có già chết diệt, vô minh chẳng nói ta năng sinh hành, hành cũng chẳng nói ta từ vô minh sinh, cho đến già chết cũng chẳng nói ta từ vô minh sinh, mà thật có vô minh thì có hành, có sinh thì có già chết. Đó gọi là pháp nhân bên trong lần lượt sinh. Thế nào gọi là pháp duyên sinh bên trong? Chỗ gọi là sáu

giới: Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sao gọi là Địa? Nghĩa kiên trì (bền chắc gìn giữ) gọi là địa giới, sao gọi là thủy? Nghĩa là năng đượm nhuần tẩm gọi là thủy giới. Sao gọi là hỏa? Năng thành thực, gọi là hỏa giới. Sao gọi là phong? Hơi thở năng vào ra, gọi là phong giới. Sao gọi là không? Năng không chướng ngại, gọi là không giới. Sao gọi là thức? Bốn ấm năm thức, cũng gọi là danh, cũng gọi là thức, các pháp như vậy hòa hợp gọi là thân, tâm hữu lậu gọi là thức, bốn ấm như vậy làm năm tình, căn gọi là sắc, sáu duyên như vậy v.v... gọi là thân. Nếu sáu duyên khởi đầy đủ không tổn giảm, thì bèn thành nhân. Duyên đó nếu giảm thì thân chẳng thành. Địa cũng không nghĩ ta năng kiên trì, thủy cũng không nghĩ ta năng ướt đượm, hỏa cũng không nghĩ ta năng thành thực, phong cũng không nghĩ ta năng hơi thở ra vào, không cũng chẳng nghĩ ta năng không chướng ngại, thức cũng chẳng nghĩ ta năng sinh trưởng, thân cũng chẳng nghĩ ta từ số duyên ấy sinh. Nếu không sáu duyên đầy thân cũng chẳng sinh. Địa cũng không ngã không nhân không chúng sinh không thọ mạng, chẳng phải nam chẳng phải nữ, chẳng phải chẳng phải nam chẳng phải chẳng phải nữ, chẳng phải đây chẳng phải kia. Thủy, hỏa, phong v.v... cho đến thức cũng đều không ngã không chúng sinh không thọ mạng, cho đến cũng chẳng phải đây chẳng phải kia. Sao gọi là vô minh? Vô minh là, ở trong sáu giới sinh trưởng một, tưởng tụ tưởng thường tưởng chẳng động tưởng chẳng hoại. Bên trong sinh tưởng lạc tưởng chúng sinh tưởng thọ mạng tưởng nhân tưởng ngã, tưởng ngã sở, sinh các thứ tưởng lắm nhiều như vậy, đó gọi là vô minh. Trong năm tình như vậy sinh tưởng tham dục sân nhuế, hành cũng như vậy. Tùy đắm trước tất cả pháp giả danh, gọi là thức. Bốn ấm là danh, sắc ấm là sắc, là danh sắc, danh sắc tăng trưởng sinh Lục nhập. Lục nhập tăng trưởng sinh xúc, xúc tăng trưởng sinh thọ, thọ tăng trưởng sinh ái, ái tăng trưởng sinh thủ, thủ tăng trưởng sinh hữu. Hữu tăng trưởng nên năng sinh hậu ấm là sinh. Sinh tăng trưởng biến gọi là lão. Thọ ấm bại hoại nên gọi là tử, năng sinh tận diệt nên gọi là ưu bi khổ não. Năm tình trái nghịch hại, gọi là thân khổ, ý chẳng hòa thích gọi là tưởng khổ, cho đến như mặt nguyệt tỏa sáng giữa trời, cách đất ba mươi hai ngàn do-tuần, trước chảy phía dưới trăng sáng ở trên, huyền tượng tuy một ảnh hiện các dòng nước mà thể trăng chẳng xuống chất nước chẳng lên. Như vậy, Xá-lợi-phất! Chúng sinh chẳng từ đời này đến đời sau, chẳng từ đời sau lại đến ở đây, nhưng có nghiệp quả nhân duyên báo ứng chẳng thể tổn giảm. Vì vậy, như trăng chẳng động, ảnh hiện các dòng, thức loại chẳng hành thân phân sáu thú, tuy không

tác giả mà nghiệp quả rõ ràng. Chỉ theo duyên sinh chẳng trái pháp nhĩ. Lại, kinh Hữu Đức nữ Sở Vấn Đại Thừa nói: “Bấy giờ, Hữu Đức Bà-la-môn nữ thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nói là vô minh, là có ở bên trong hay có bên ngoài ư? Đức Phật dạy: Chẳng phải vậy, Hữu Đức nữ thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ở bên trong bên ngoài không có vô minh, cố sao được có vô minh duyên hành.” Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Có pháp ở đời khác mà lại đến đời này không? Đức Phật dạy: Không như vậy, Hữu Đức nữ lại thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Hành tướng vô minh là thật có ư? Đức Phật dạy: Chẳng như vậy. Tự tánh vô minh từ nơi hư vọng phân biệt mà sinh, chẳng phải chân thật sinh, từ điên đảo sinh, chẳng phải như lý sinh. Hữu Đức nữ lại thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu như vậy thì không vô minh, cố sao được có các hành sinh khởi ở trong sinh tử chịu thọ các khổ báo? Bạch Đức Thế Tôn! Như cây không rễ thì không các vật cành lá hoa quả v.v... vô minh như vậy không tự tánh nên hành v.v... sinh khởi quyết định chẳng thể được. Phật dạy: Này Hữu Đức nữ! Tất cả các pháp đều rốt ráo không, phàm ngu mê đảo chẳng nghe nghĩa không, giả sử nghe đó mà không trí nên chẳng rõ. Do đây tạo đủ các thứ các nghiệp. Đã có các nghiệp, thì các Hữu sinh, ở trong các Hữu, chịu thọ đủ các khổ. Đệ nhất nghĩa đế không có các nghiệp, cũng không các Hữu mà từ nghiệp sinh. Lại vì các pháp thứ lắm sự khổ não. Hữu Đức nữ! Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tùy thuận thế gian rộng vì chúng sinh giảng nói các pháp, muốn khiến ngộ hiểu Đệ nhất nghĩa vậy. Hữu Đức nữ! Đệ nhất nghĩa là, cũng tùy thế gian mà lập danh tự. Tại sao? Ở trong thật nghĩa, năng giác sở giác tất cả thấy đều chẳng thể được vậy. Hữu Đức nữ! Thí như chư Phật hóa làm ở người, chỗ hóa người đây lại hóa làm các thứ các vật. Chỗ hóa người đó hư dối chẳng thật, vật của chỗ hóa cũng không thật sự. Đây cũng như vậy, chỗ tạo các nghiệp hư dối chẳng thật, từ nghiệp có sinh cũng không thật sự. Cho nên chỉ rõ yếu chỉ của Duy tâm tự nhiên muôn pháp thường hư. Tùy có thấy nghe, đều thuận đạo của không sinh, phàm liên quan động tác đều quy về môn của không được.

Hỏi: Mười hai chi đây, cố sao gọi là duyên sinh, lại gọi là duyên khởi?

Đáp: Không có chủ thể tác giả thọ giả, không tự tác dụng, không được tự tại, có rồi tan diệt, chỉ chỗ pháp hiển bày, năng nhuận sở nhuận đọa lạc pháp tương tục, gọi là duyên sinh. Trong luận nói: “Do phiền não trói buộc, đến trong các thú, luôn luôn sinh tử, nên gọi là duyên khởi”. Lại ở nhân gọi là duyên khởi, ở quả gọi là duyên sinh.

Hỏi: Một niệm vô minh tâm khởi mười hai chi, là tự sinh hay tha sinh hay cộng sinh hay không nhân sinh?

Đáp: Duyên khởi rất sâu mầu, chẳng phải bốn câu có thể đo lường. Rõ thì một tâm ngầm lặng, mê thì sáu đường luân hồi, chẳng phải vọng, chẳng phải chân, chẳng thường chẳng đoạn. Nếu nói là vọng, vọng chẳng thể được. Nếu nói là chân, lại năng lưu chuyển. Nếu nói là đoạn, tương tục luôn sinh. Nếu nói là thường, niệm niệm khởi diệt. Do đó từ tâm sinh vậy. Sinh không năng sinh, không có định tánh. Trong luận Phật Tánh nói: “Lại nữa, tất cả các pháp không có tự tánh. Tại sao? Nướng nhân duyên sinh vậy. Thí như lửa y tha mà sinh, lia củi tức chẳng thể thấy, cũng như lửa đom đóm, nếu lửa có tự tánh thì nên lia củi không trung tự nhiên.” Trong luận Tạp Tập nói: “Các pháp duyên khởi tuy sát-na thì thành diệt, mà trú có thể được, tuy không tác dụng duyên mà có công năng duyên có thể được, tuy lia hữu tình mà hữu tình có thể được, tuy không tác giả mà các nghiệp quả chẳng hoại có thể được, cho nên sâu mầu, nghiệp quả chẳng thể hoại là, tuy bên trong không tác giả mà có tác nghiệp thọ quả dị thực. Lại, các pháp duyên khởi có sai biệt, nghĩa là đời các duyên sinh nên chẳng phải tự tác, tuy có các duyên mà không chủng tử chẳng sinh nên chẳng phải tha tác. Kia cùng chung không tác dụng nên chẳng phải cộng tác, chủng tử và các duyên đều có công năng nên chẳng phải không nhân tác. Nói như trên là ước về môn thế tục duyên khởi. Nếu như thật nói còn chẳng thấy một pháp là duyên hay chẳng phải duyên, huống gì là mười hai. Tôn giả Tràm Nhiên nói: Chẳng thấy sắc tướng là chi hành diệt, chẳng thấy sắc duyên là vô minh diệt, chẳng thấy sắc thể là thức danh sắc lục nhập xúc thọ diệt. Chẳng thấy sắc sinh là ái thủ hữu sinh diệt, chẳng thấy sắc diệt là lão tử diệt. Chẳng thấy một tướng là chẳng thấy mười hai nhân duyên không, chẳng thấy người thấy là chẳng thấy nhân duyên giả, chân tục đều mất, hai đế đều sạch, cũng chẳng thấy trung. Thông đặt rõ biết nhân duyên như vậy, nếu vì đây liệt bày thấy muôn pháp cũng lại như vậy.

Hỏi: Muôn cảnh vô minh và pháp tánh một tâm là một hay là hai, nếu là một thì không nên phân hai tên nhiễm tịnh. Nếu là hai cố sao trong giáo nói vô minh tức pháp tánh?

Đáp: Thế một là chân, tên hai là giả. Pháp, nhân tình lập chân, dùng trí rõ tình, trí tự phân chân, vốn chẳng động chẳng thể định đồng, chẳng hoại thế tục đế, chẳng thể định dị chẳng mất chân đế. Nên trong kinh Niết-bàn nói: “Minh và vô minh, người ngu phân làm hai, người trí rõ thấu, tánh nó không hai. Tánh của không hai tức là thật tánh.” Các

bậc Cổ đức căn cứ mười pháp giới giải thích: Người ngu là ngu của chín giới, người ngu thủ tướng thấy tất cả pháp. Pháp tánh tùy tâm thủ tướng đó đều là vô minh, như hang cốc lạnh ngàn năm băng cứng chưa từng làm nước vậy. Người trí là trí của Phật giới, viên quán hành nhân khai mở mắt Phật thấy đồng Phật xưa trước vậy, chỗ mắt tròn thấy vô minh vốn nguyên là pháp tánh thanh tịnh, như thái dương thường chiếu nước biển chưa từng làm băng vậy. Băng nước một tánh, tùy duyên phân hai. Một chẳng giữ tự tánh luôn tự tùy duyên, tuy là tùy duyên mà chẳng hoại tự tánh, so với pháp tánh vô minh cũng sao định một, cũng sao định khác, thì chẳng tùy sự mà mất thể, chẳng phải cộng chẳng phải phân, chẳng giữ tánh nên mặc duyên cũng đồng cũng riêng biệt.

Hỏi: Nhân mới đầu của ba cõi, nguyên thủy của bốn loài, chẳng cùng gốc ngọn đó, không biện hết căn do. Trang tử chỉ đó là tự nhiên, Chu Khổng gọi đó là hỗn độn. Xứ khởi đầu tiên làm sao chỉ bày?

Đáp: Muốn biết căn do chân thật về thân độ của hữu tình, không gì trước ngã tâm, lại không pháp nào khác. Nghĩa là tâm pháp từng sát-na theo tự loại tương tục, giới thời từ vô thủy triển chuyển lưu lại, chẳng đoạn chẳng thường, cậy duyên cậy đối, chẳng phải khí chẳng phải bả, chỉ thức chỉ tâm. Trong Triệu Luận Sao nói: “Trang tử nói: “Không tên đầu tiên của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật”. Nếu theo ý Phật giáo thì vì Như Lai tạng tánh chuyển biến làm thức tạng, từ thức tạng biến ra tất cả chủng tử căn thân khí thể gian, suy tìm hóa đó, vốn tức Như Lai tạng tánh làm vật đầu tiên vậy, không sinh vô thủy là tánh của vật vậy. Sinh thủy chẳng năng động ở tánh tức pháp tánh vậy”. Trong luận Quân Thánh của Thẩm Ước ở thời Nam Tề nói: “Vậy thì trời đất này đến nay do một niệm vậy”. Đại sư Dung hỏi: Ba cõi bốn loài lấy gì làm đạo bản? Lấy gì làm pháp dụng? Đáp: Hư không là đạo bản, sum-la là pháp dụng.

Hỏi: Ở trong ai làm tạo tác?

Đáp: Trong đây thật không tạo tác. Tánh pháp giới tự nhiên sinh. Trong kinh Kim Cang Tam-muội nói: “Pháp thiện và bất thiện từ tâm hóa sinh. Có thể gọi là cửa của tổng trì, thấu tóm của muôn pháp vậy. Ánh sáng chưa phát ở còn không tên đó, lúc niệm dục sinh tự phân ảnh đó. Mới đầu nhân cương giác dần khởi rõ biết, kiến tướng mới phân, tâm cảnh chóng hiện. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Đều là giác minh minh liễu biết tánh, nhân liễu phát tướng, từ vọng kiến sinh, núi sông đất liền các tướng hữu vi, lần lượt chuyển đổi. Nhân hư vọng đây, cuối chẳng lại đầu”.

Giải thích: Đây đều đầu tiên nhân mê một pháp giới nên bất giác niệm khởi, niệm khởi tức là động tướng. Động tướng tức là nghiệp thức thứ nhất, chưa phân năng sở là lỗi của giác minh vậy. Từ đây biến làm năng duyên chuyển thành liễu tướng, tức minh liễu biết tánh, là kiến phần chuyển thức thứ hai. Sau đó, nhân kiến phần mà sinh tướng phần, tức nhân liễu pháp tướng là tướng phần thứ ba. Hiện thức năng sở vừa mới phân đều thành hư vọng. Tại sao? Kiến phần sinh ở mắt màng, tướng phần hiện ở huyệt hình, từ đó kín đối căn trần, chắc sinh tình chấp từ đây cách khởi tánh chân, phân ra trạm (lắng), viên (tròn) ở trong chấp nhận tri giác, làm thân của hữu thức, ở ngoài lia chấp tướng lắng, thành cõi nước của vô tình, bèn khiến hình ảnh của trong gương diệt mà lại sinh, núi sông trong mộng cuối mà lại đầu, chỉ vì cõi nguồn biến tánh chẳng từ năng sở mà sinh, lắng vậy tròn sáng chiếu mà thường lặng lẽ, chỉ vì chúng sinh trái nghịch tánh chẳng rõ, trái gốc tròn sáng, chấp có chỗ sáng, thành vọng kiến. Nhân sáng lập cảnh của sở quán, nhân sở khởi tâm của năng quán, năng sở cùng sinh, tâm cảnh đối đãi, tùy duyên mất tánh chỗ trở lại nguồn mới đầu, chẳng hay chẳng biết vì trải qua số kiếp như bụi trần. Do đó, trong kinh nói: “Giác chẳng phải chỗ sáng, nhân sáng lập sở, sở đã vọng lập sinh vọng năng của ông, trong không đồng khác, hừng hực thành dị. Khác chỗ khác kia nhân khác lập đồng, đồng khác phát minh, nhân đây lại lập không đồng không dị, như vậy quấy loạn đối đãi nhau sinh nhọc, nhọc lâu phát trần, tự tướng hỗn tục. Do đó dẫn khởi trần lao phiền não, khởi làm thế giới, tinh thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác, kia không đồng khác, thật pháp hữu vi, giác minh không mờ tối, đối đãi nhau thành lay động, nên có phong luân gìn giữ thế giới, nhân không sinh lay động, bền chắc sáng lập ngại. Vàng báu kia là, minh giác lập bền chắc nên có kim luân bảo trì cõi nước, kiên giác báu thành lay động sáng phong ra. Phong kim xác nhau nên có ánh sáng lửa, làm tánh biến hóa. Báu sáng đượm nhuần nung nấu trên ánh sáng lửa, nên có thủy luân, bao hàm mười phương giới, hỏa lên thủy xuống, giao nhau phát lập bền chắc, ẩm ướt làm biển lớn, khô ráo làm châu đản (bãi cát), vì nghĩa đó, nên trong biển lớn ánh sáng lửa thường khởi, trong bãi cát kia, sông suối thường trút đổ. Nước thế yếu, lửa kết thành núi cao. Cho nên đá núi đập nhau thì thành bốc cháy, dung hòa thì thành nước. Đất thế kém nước rút làm cây cỏ, cho nên rừng chằm gặp thiêu đốt thành đất đất bụi, nhân thắt chặt thành nước, giao vọng phát sinh đắp đối nhau làm chúng, vì nhân duyên đó thế giới tương tục”. Xưa trước giải thích: Giác minh không mờ tối đối

đãi nhau thành lay động là, do mới đầu vọng giác ảnh, minh chẳng rõ, bèn thành không mờ tối, như chướng sáng sinh tối hai tướng cùng hình. Giác minh tức là tướng động, không mờ tối tức là tướng tĩnh, một sáng một tối, một động một tĩnh, sát-na cùng thành, như gió khởi động sóng đối đãi nhau chẳng dứt, ở bên trong mới đầu khởi tức gọi là lay động, ở bên ngoài tức thành thế giới phong luân. Không mờ tối tức là hư không, đã không hình tướng, chẳng gọi là thế giới. Nhân không sinh lay động, bền chắc sáng lập ngại là, địa tướng vậy. Nhân không khác sáng đối đãi nhau thành lay động. Lay động năng bền chắc sáng để thành ở ngại. Như Thai gặp gió tức thành cứng ngại, cũng là nghĩa chấp sáng sinh ngại, ở bên trong tức là giác minh bền chắc chấp, ở bên ngoài tức thành vàng báu, nên nói vàng báu kia là minh giác lập bền chắc, nên biết tánh báu nhân giác minh mà có, cho nên các báu đều có ánh sáng, Tiểu thừa chỉ biết nghiệp cảm, mà chẳng biết là nhân chủng gì, bền chắc giác báu thành lay động sáng phong ra, phong kim sát nhau nên có ánh sáng lửa làm tánh biến hóa là, bền chắc chấp giác tánh tức thành ở báu, chỗ lay động sáng tức ra ở phong, động tĩnh chẳng dứt tức là phong kim sát nhau, ở bên ngoài tức thành ánh sáng lửa năng thành thực muôn vật, nên nói là tánh biến hóa. Báu sáng sinh đượm nhuần nung nấu trên ánh sáng lửa nên có thủy luân bao hàm mười phương giới, là thể tánh của báu sáng có ánh sáng đượm nhuần, là lửa nóng nung nấu nước bèn chảy ra. Lại, giác minh sinh ái, ái tức là đượm nhuần, ở bên trong tức là ái minh, ở bên ngoài tức thành báu nhuần nung nấu trên tánh hỏa dung hòa ái thành thủy. Tất cả nghiệp chủng chẳng phải ái tức chẳng thành, tất cả thế gian chẳng phải nước tức chẳng gồm. Nên tánh bốn đại qua lại nhân nhờ thể chẳng lìa nhau, đồng chỗ một vọng tâm biến khởi, nên biết hoa đóm giữa hư không chẳng lìa tâm vậy. Lại, vọng tánh chẳng luôn, trước sau biến đổi khác, chỗ cảm tướng bên ngoài hơn kém chẳng đồng. Ái tâm nhiều tức thành biển lớn, chấp tâm nhiều tức thành châu dẫn, phong tánh sinh mạn, hỏa tánh sinh sân, ở sắc khởi ái nước chảy trong bãi, trái nghịch ái sinh sân lửa nổi trong biển. Mạn tăng ái kém kết làm núi cao, ái tăng mạn nhẹ rút làm cỏ cây. Sân ái mạn ba thứ qua lại đượm tràn khác loại thành hình, cỏ cây núi sông ngàn sai mụyôn phẩm, trước từ vọng tướng kết thành bốn đại, từ bốn đại tánh ái mạn đượm sinh, lìa tâm hữu tình là không thể khác, giao vọng phát sinh đắp đổi cùng làm chủng. Lại nói: Tôn giả Phú-lâu-na bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu là thế gian tất cả căn trần ấm xứ giới v.v... đều là Như Lai tạng bản nhiên thanh tịnh, cơ sao chợt sinh núi sông đất liền v.v...

các tướng hữu vi? Lần lượt chuyển đổi cuối cùng mà trở lại đầu. Lại nghi ngờ rằng: Nếu Diệu giác bản Diệu giác minh đây cùng tâm Như Lai chẳng tăng chẳng giảm không tướng trạng, chợt nhiên sinh ra núi sông đất liền các tướng hữu vi. Như Lai nay đắc diệu không minh giác, núi sông đất liền hữu vi tập lậu đâu hợp lại sinh? Phật dạy: Phú-lâu-na. Như điều ông nói, bản nhiên thanh tịnh, cơ sao chợt sinh núi sông đất liền? Ông thường chẳng nghe Như Lai tuyên nói tánh giác Diệu minh bản giác minh diệu ư? Phú-lâu-na thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Con đã từng nghe Đức Như Lai tuyên nói nghĩa đó. Phật dạy: Ông xưng giác minh là lại tánh minh xưng danh là giác, là giác chẳng minh xưng là minh giác, Phú-lâu-na thưa: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng minh đây gọi là giác thì không chỗ minh. Phật dạy: Nếu không chỗ minh thì không minh giác, có sở chẳng phải giác, không sở chẳng phải minh, không minh lại chẳng phải giác lắng minh tánh. Tánh giác hẳn minh vọng làm minh giác. Giác chẳng phải sở minh, nhân minh lập sở, sở đã vọng lập, sinh vọng năng của ông, trong không đồng khác hừng hực thành khác. khác sở khác kia, nhân khác lập đồng. Đồng bị phát minh, nhân đây lại lập không đồng không khác như vậy quấy loại đối đãi nhau sinh nhọc, nhọc lâu phát bụi trần, tự tướng hỗn đục, do vậy dẫn khởi trần lao phiền não, khởi làm thế giới tinh thành hư không, hư không là đồng, thế giới là khác, kia không đồng khác thật pháp hữu vi”. Giải thích: Nghĩa hai giác đây ý chỉ sâu mầu khó rõ, nếu muốn chỉ bày phải phân đen trắng. Đại khái kinh luận có hai thứ giác: Một, tánh giác; Hai, bản giác. Lại có hai thứ Bát-nhã: Một, bản giác Bát-nhã; Hai, thủy giác Bát-nhã. Lại có hai thứ tâm: Một, tự tánh tâm thanh tịnh; Hai, lia cấu tâm thanh tịnh. Lại có hai thứ chân như: Một, tại triền chân như; Hai, xuất triền chân như. Như bốn thứ đây danh tùy nghĩa khác, thể tức thường đồng. Nay, tất cả chúng sinh chỉ có tánh giác thanh tịnh. Bản giác, tự tánh tâm thanh tịnh, tại triền chân như v.v... ở trong Bản nhiên thanh tịnh vọng chợt sinh nơi núi sông đất liền. Vì tại triền chưa lia chướng vậy. Chưa được xuất triền chân như v.v... nếu mười phương chư Phật hai giác đều tròn, đã đủ xuất triền chân như v.v... không có vọng tưởng trần lao, trọn hợp với Bản nhiên thanh tịnh thì chẳng lại sinh núi sông đất liền các tướng hữu vi v.v... như vàng ra khỏi quặng trọn chẳng nhiễm ở bụi bùn, như cây gỗ thành tro đâu có sinh lại cành lá, theo hai giác đây rồi thông suốt nghi tình. Tánh giác diệu minh là, tự tánh tâm thanh tịnh, tức Như Lai tạng tánh, tại triền chân như v.v... bản tánh thanh tịnh chẳng bị phiền não nhiễm ô gọi là tánh giác. Trong kinh nói: Phật bảo A-nan và cả đại

chúng: Các ông phải biết thế giới hữu lậu mười hai loại sinh Bản giác diệu minh giác viên tâm thể, cùng mười phương Phật không hai không khác, do ông vọng tưởng mê lý làm lỗi, si ái phát sinh, sinh phát khắp cùng mê nên có tánh không, hóa mê chẳng dứt có thế giới sinh, thì mười phương vi trần cõi nước đây chẳng phải vô lậu, đều là mê ngoan vọng tưởng an lập. Phải biết hư không sinh bên trong tâm ông, giống như tảng mây điểm trong bầu trời trong sạch, hướng gì các thế giới tại hư không ư? Trong các ông một người phát chân trở lại mới đầu thì mười phương hư không đây thấy đều tiêu mất, làm sao giữa hư không chỗ có cõi nước mà chẳng chán nát”. Dùng kinh văn đây để rõ, tức biết phạm Thánh vốn đồng giác của Diệu minh đây. Bản giác Diệu Minh là xuất triển chân như v.v... từ trí không phân biệt giác hết vọng niệm từ vô thủy, gọi là cứu cánh giác, thủy giác tức là bản giác, giác của ngộ bản nên được tên bản giác. Trong luận nói: Ở môn chân như gọi là tánh giác, ở môn sinh diệt gọi là bản giác. Do mê tánh giác đây mà có vọng niệm. Vọng niệm nếu hết mà lập bản giác. Vì tánh giác chẳng từ năng sở mà sinh, chẳng phải nhờ mượn tu chứng mà khởi. Vốn tự diệu mà thường minh, nên gọi là tánh giác diệu minh. Vì thủy giác Bát-nhã minh diệu của tánh giác, nên gọi là Bản giác minh diệu. Lại, tánh của chân như, tánh tự rõ vậy, thì tánh giác diệu minh. Trí của thủy giác, rõ bản tánh vậy thì bản giác minh diệu. Lại trong luận Ma-ha-diễn nói có bốn thứ giác: Một, Bản giác thanh tịnh; Hai, Bản giác nhiễm tịnh; Ba, Thủy giác thanh tịnh; Bốn, Thủy giác nhiễm tịnh. Nếu luận về sự của bản thủy tối sánh thì đều nương giác của nhiễm tịnh mà được tên. Nếu thanh tịnh nguồn giác thì ngu trí đều tuyệt, chẳng phải chỗ được của mê ngộ, há năng phân tích văn nghĩa.” Trong kinh Đức Phật thường nói chân như là mê ngộ nương tựa, nên như muôn tượng nương hư không. Hư không không chỗ nương tựa. Do đó Mãn từ tử lãnh ngộ nói: con thường nghe Phật tuyên nói nghĩa này. Nghĩa hai giác đây cũng đồng như chỗ luận Đại Thừa Khởi Tín lập một tâm phân hai môn chân như và sinh diệt. Vì bản tánh thanh tịnh là nghĩa tánh giác, chỉ lấy bản giác trong tánh, như tánh lửa trong cây gỗ chưa đủ nhân duyên có mà không dùng, chẳng phải ngộ rồi mà lại khởi mê. Lúc mới đầu ngộ lập hiệu của bản giác, ngộ bản giác rồi, không trở lại mê, chư Phật trở lại làm phàm phu là điều không thể có. Phật hỏi: Ông xưng giác minh là lại giác tánh tự minh gọi là giác minh hay, là đại giác thể chẳng minh? Năng giác ở minh. Ý Phú-lâu-na hẳn có chỗ minh xứng tình, là sở giác đó. Nếu không minh của sở giác, thì không hiệu của giác minh. Chỉ có thể xưng

giác mà không sở minh, nên nói thì không sở minh. Ý Đức Phật là tánh giác thể tánh tự minh, chẳng nhân năng giác sở minh mới xưng là giác minh. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Chân như tự thể có nghĩa đại trí tuệ quang minh. Nghĩa chiếu khắp pháp giới v.v... chỉ duyên mê một pháp giới, cường phân năng sở nên thành ở vọng”. Nếu cần nhân sở minh mới xưng là giác minh, đây là nhân tha mà lập, chẳng phải tự tánh giác, nên nói có sở chẳng phải giác, như duyên trần phân biệt mà có vọng tâm, lia trần thì không có thể, chẳng thể đem tâm của đoạn diệt để làm chân giác xưa nay vậy. Nếu đem pháp của không thể làm cứu cánh là, như trong kinh nói: Pháp thân thì đồng lông rùa sừng thỏ, đó ai tu chứng vô sinh pháp nhãn. Lại giải thích: Nếu đem chẳng minh gọi là giác, thì không sở giác. Nên biết giác thể vốn không tướng minh. Phật chứng chân tế thật chẳng thấy minh. Nếu thấy ở minh tức là sở minh. Đã lập sở minh, bèn có năng giác. Chỉ trừ minh của năng sở mới xưng là diệu minh. Minh của diệu đây là minh của chẳng minh. Chẳng đồng sở minh nhân minh khởi chiếu. Nên trong luận Bát-nhã Vô Tri nói: “Cật nạn: Không của Thánh trí và không của hoặc trí đều không sinh diệt. Vì sao khác đó ư? Đáp: Không của Thánh trí và vô tri (không biết), không của hoặc trí là tri vô (biết không), không đó tuy đồng. Sở dĩ không mà khác vậy. Tại sao? Phàm, Thánh tâm rộng lắng không biết có thể không, có thể gọi là vô tri, chẳng phải gọi là tri vô. Hoặc trí có biết nên có biết có thể không, có thể gọi là tri vô. Chẳng phải gọi là vô tri vậy”. Nên Bát-nhã vô tri là không chỗ chẳng biết. Vô tri là, không biết của năng sở, không chỗ chẳng biết là chân như tự tánh có nghĩa chiếu khắp pháp giới. Lại, Thánh nhân chỉ có tâm của không tâm, thấy của không thấy, chẳng đồng phàm phu có tâm có thấy, đều là tướng phân biệt năng sở mà sinh vậy. Trong kinh Niết-bàn nói: “Chẳng thể thấy rõ rõ thấy”. Trong kinh Hoa Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Không thấy tức là thấy,
Năng thấy tất cả pháp
Ở pháp nếu có thấy
Đây thì không chỗ thấy.”*

Lại nói: “Bồ-tát đều thấy các pháp mà không chỗ thấy. Biết khắp tất cả mà không chỗ biết, thì Bát-nhã ba-la-mật-đa vô tri mà không chỗ chẳng biết vậy”. Chỉ chẳng lạc vào biết của có không, thấy của năng sở, chẳng phải là đều không thấy biết vậy. Chư Phật đều đủ năm mắt ba trí bốn biện sáu thông, ba đế lý viên một tâm đầy đủ. Nếu chẳng thấy không và chẳng không chẳng phải không chẳng phải chẳng không, mới

cùng thật tướng tương ứng vậy. Nên trong kinh Lăng-già nói: “Mỗi một tướng tương ứng xa lìa lỗi các thấy là, nếu ở các thường thường cùng thật tướng tương ứng, tự nhiên xa lìa các lỗi, hợp với Đệ nhất nghĩa, chân tâm thanh tịnh sáng rõ thấu suốt mà không niệm đả trước, tức sự tức như, chỉ tâm thẳng tiến, tức chỗ chư Phật biết chỉ thật tướng vậy. Lìa đây lập thấy đều thành các lỗi, không chỗ chẳng phải sáng là, nếu thể của năng sở cần nhân sở minh là, nếu không minh của sở giác, thì thể của năng giác bèn chẳng phải là minh. Nên nói không chỗ chẳng phải minh. Nên biết giác đó cùng với minh qua lại giả lập, vốn không tự thể, đâu thành tự tánh giác của viên minh ư. Vô minh lại chẳng phải giác lắng minh tánh là, hiển bày vọng giác thể không dụng của lắng minh. Nếu nói chỉ giác ở minh, sao phải giác thể tự minh? Thì tự tánh chẳng phải minh, bèn không dụng của giác lắng. Nên nói vô minh lại chẳng phải giác lắng minh tánh. Tánh giác hẩn minh vọng làm minh giác là, giải thích vọng giác giá tướng của thân vậy. Tại sao được biết vọng giác mới đầu khởi có giác minh, chỉ duyên tánh giác hẩn có chân minh. Do đó, vọng giác giá tánh minh đây mà khởi ảnh giác của minh chấp minh của ảnh tượng, khởi giác của phan duyên, mê chân nhận ảnh kiến phần tướng phần, từ đây mà sinh hiệu của minh giác, giác chẳng phải sở minh, nhân minh lập sở là, phạm, giác của một chân, thể tánh tuy minh mà chẳng phân năng sở nên giác chẳng phải sở minh. Do ảnh minh khởi giác năng sở đây nhân, nên nói là nhân minh lập sở, sở đã vọng lập sinh vọng năng của ông. Trong không đồng khác, hừng hực thành khác là, đây thì nguyên nhân giác minh khởi chiếu sinh sở, sở lập chiếu tánh bèn mất, thì là thức tính nguyên minh năng sinh các duyên. Duyên chỗ sót lại là, mới là chỉ tùy tướng của năng duyên che lấp chân tánh Duy thức, một hướng năng sở cùng sinh, như gió động nước gợn sóng tương tục, tánh của lắng yên ẩn mà chẳng hiện, từ đây mê vọng sinh tánh của hư không. Lại nhân hư không thành lập hình của thế giới, ở chân không một tâm rớt ráo trong không đồng khác, hừng hực kiến lập thành các pháp khác của cứu cánh, đều nhân tình tướng nhiễu loạn, nhọc phát trần của thế gian, mê vọng hôn trầm dẫn khởi giới của hư không, phân thế giới sai biệt làm khác, lập hư không thanh tịnh làm đồng, ở trong thức phân biệt, lại lập không đồng không khác, đều là pháp của hữu vi, đều thành duyên của sinh diệt, chưa suốt cội nguồn, trọn là hý luận.